

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHÈ BIỂN HỒ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09./BC-.BHG

Gia Lai, ngày 6 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900188843
- Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 89.356.430.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3845567
- Số fax: 0269 3842106
- Website: Bienhotea.com.vn
- Mã cổ phiếu : BHG

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần chè Biển Hồ được cổ phần từ công ty TNHH MTV chè Biển Hồ ngày 11/9/2018.

Ngày 13/9/2018, Công ty cổ phần chè Biển Hồ đã được đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động.

Ngày 30/10/2018, là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty cổ phần chè Biển Hồ trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch 3.856.665 cổ phiếu (cổ phiếu trúng đấu giá), giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 38.566.650.000 đồng.

Ngày 24/6/2019 Sở Giao dịch chứng khoán chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty cổ phần chè Biển Hồ , số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 5.078.978 cổ phiếu., giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 50.789.780.000 đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 8.935.643 cổ phiếu.

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là : 89.356.430.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh : (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

-Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
– Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	
-Trồng cây cà phê	0126
-Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
-Trồng cây chè	0127
-Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu – Chi tiết: Chế biến chè, cà phê	1079
-Buôn bán thực phẩm	4632
Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	
-Trồng cây ăn quả	0121
Chi tiết: Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới	

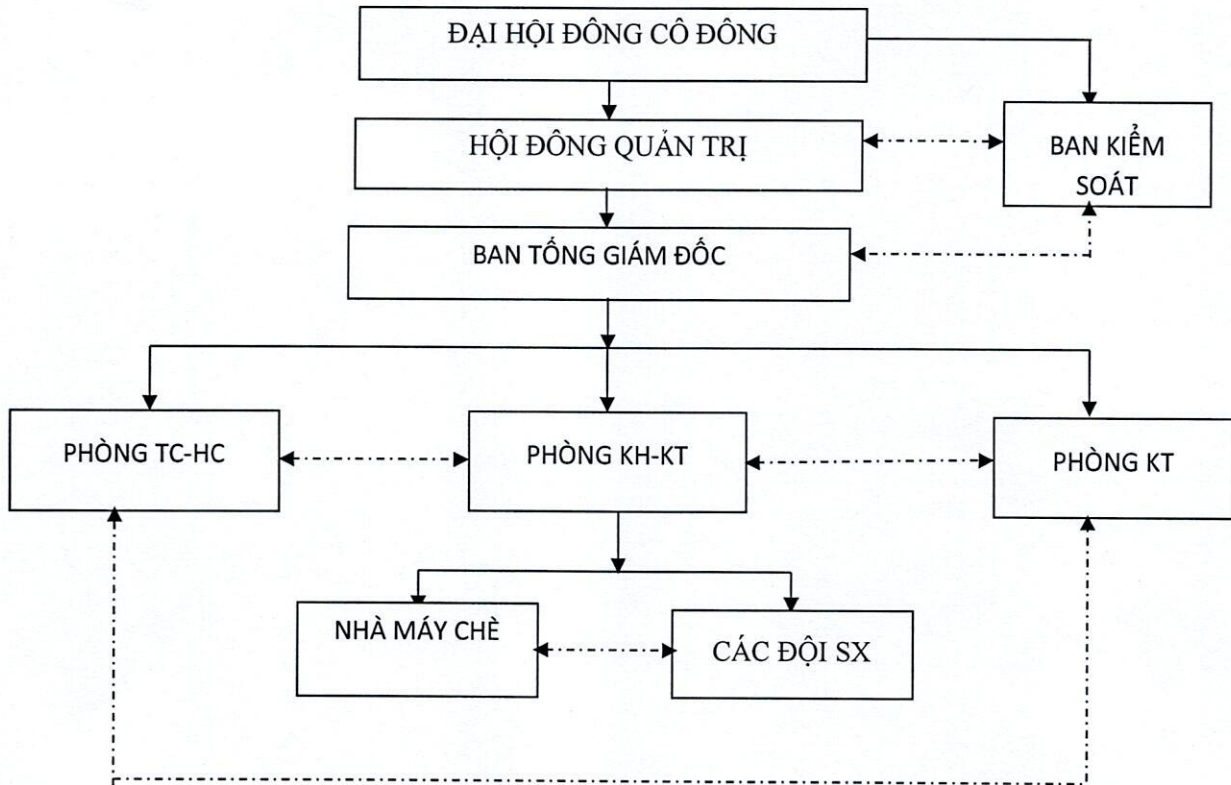
- Địa bàn kinh doanh: Miền Trung, miền Nam và xuất khẩu

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Hoạt động theo mô hình quản trị tại điểm a, khoản 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Ghi chú:

- Quan hệ trực tuyến: —————> Quan hệ phối hợp:
 <----->

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều lĩnh vực nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tập trung phát triển hai loại cây chủ lực là cây chè và cà phê. Ngoài ra công ty sẽ tiến hành đa dạng hóa các loại cây trồng ngắn ngày và khai thác các ngành nghề kinh doanh khác

phù hợp. Tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn. Đảm bảo thu nhập cho người lao động, cân bằng giữa lợi ích của người dân, cổ đông, nhà đầu tư và nhà nước.

Công ty tập trung cải tiến khoa học kỹ thuật, phương pháp chăm sóc cây trồng, cách thức sản xuất chế biến để đảm bảo chất lượng sản phẩm, đồng thời đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm.

Mở rộng các ngành nghề kinh doanh phù hợp với những tiềm lực hiện có. Sử dụng có hiệu quả quỹ đất đai hiện có, thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế nhất...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

+ Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Tiếp tục áp dụng các hệ thống ISO 14001, 22000 về an toàn thực phẩm và môi trường, xây dựng mô hình nông sản sạch, sử dụng các sản phẩm sinh học để chăm sóc và bảo vệ cây trồng nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Tiếp tục thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người dân trên địa bàn công ty đứng chân. Tăng cường đồng thuận trong hợp tác giữa công ty với hộ nhận khoán vườn cây, giải quyết tốt các tranh chấp liên quan đến đất đai, cây trồng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Tích cực đảm bảo công tác an sinh xã hội, tham gia ủng hộ, đóng góp và hỗ trợ các hoạt động xã hội, từ thiện ...

+ Tăng cường mối quan hệ với chính quyền địa phương trong việc đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nơi công ty đứng chân.

5. Các rủi ro :

- Cây chè, cà phê là hai loại cây trồng chủ lực của công ty, tuy nhiên giá cả của hai loại nông sản này đều thấp. Bên cạnh đó vườn cây chủ yếu đã già cỗi nên năng suất thấp. Ảnh hưởng lớn đến kinh tế của người dân và doanh nghiệp.

Là đơn vị sản xuất nông nghiệp nên thời tiết, giá cả thị trường ảnh hưởng lớn đến chi phí và doanh thu.

Sản phẩm của công ty chủ yếu sơ chế, xuất thô nên khó cạnh tranh được với các nhà sản xuất khác và thị trường tiêu thụ nội địa kém.

Bên cạnh đó tình hình dịch bệnh, chiến tranh, các nguyên liệu dùng trong sản xuất khan hiếm, giá cao đã gây ảnh hưởng lớn đến doanh thu lợi nhuận của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	So với 2020 (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	89,356	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	60,708	86%

3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,290	46%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,166	63%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	0,19	31%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

* Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Trịnh Quang Hưng
 Giới tính: Nam
 Sinh ngày: 20/5/1960
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Hà Ngọc, Hà Trung, Thanh Hóa

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 1984-1998	Cán bộ kinh doanh	Nông trường Đồng Giao, TX Tam Điệp, Ninh Bình
Năm 1999-2010	Giám đốc	Công ty TNHH Tiến Hưng
Năm 2011-2018	Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cảng đạ Ninh Bình
Hiện nay	Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cảng đạ Ninh Bình Công ty Cổ phần chè Biển Hồ Công ty cổ phần cà phê Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 1.237.398 cổ phần, chiếm 13,85% tổng số cổ phần của Công ty.

Trong đó :

+sở hữu cá nhân: 1.237.398 cổ phần

+Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

+Con ruột:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần
Trịnh Quang Vinh	Đông Thành, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình				715.342

* Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Họ và tên: Trịnh Đình Trường
 Giới tính: Nam
 Sinh ngày: 04/02/1975
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Yên Thịnh – Yên Định – Thanh Hóa

-Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 1996-2008	Chuyên viên	Công ty CP Thạch cao xi măng, CN Bim Sơn
Năm 2009-2010	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Bình Minh, Thanh Hóa
Năm 2011-2016	Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cảng đạm Ninh Bình
Năm 2017-2018	Chủ tịch HĐQT	Trường THCS và THPT CLC Khai Minh, Q Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
Hiện nay	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	Trường THCS và THPT CLC Khai Minh, Q Tân Phú, TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai Công ty cổ phần chè Biển Hồ

Số cổ phần nắm giữ: 1.381.932 cổ phần, chiếm 15,47 % tổng số cổ phần của Công ty
Trong đó :

+sở hữu cá nhân: 1.381.932 cổ phần

+Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

Vợ:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần
Lê Thị Thanh Tỉnh	P Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hóa				600.000

* Ủy viên Hội đồng Quản trị:

Họ và tên: Phạm Văn Cường

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/01/1971

Nơi sinh: Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Thượng – Hải Lăng – Quảng Trị

-Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 1988-2000	Nhân viên Kinh doanh	Cty KD thạch cao Xi măng
Năm 2001-2005	Chuyên viên	Phòng Thị trường tiêu thụ và phòng KHĐT xây dựng Cty Thạch cao Xi măng
Năm 2006-2009	Phụ trách	Cty CP Vincem Thạch cao Xi măng- CN Đà

		Năng
Năm 2010-2011	Phó phòng	Kế hoạch Cty Vincem Thạch cao xi măng
Năm 2010-2018	Phụ trách thị trường điều độ hàng hóa	Chi nhánh quảng trị, Cty CP vincem Thạch cao – Xi măng
Hiện nay	TV HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty	Công ty cổ phần chè Biển Hồ Công ty CP cà phê Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

*** Ủy viên Hội đồng Quản trị:**

Họ và tên: Nguyễn Trung Kiên

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/10/1974

Nơi sinh: Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

*** Ủy viên Hội đồng Quản trị:**

Họ và tên: Trịnh Văn Công

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/10/1973

Quốc tịch: Việt Nam

-Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Từ tháng 10/1995-12/2006	Kế toán viên	Nông trường Đạ Huoai, Lâm Đồng
Từ 2007-2016	Bệnh viện Đa khoa, Đồng Phú, Bình Phước	Kế toán viên
Từ 2016-2018	Trung tâm Y tế Đồng Phú, Bình Phước	Kế toán trưởng

2019-nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chè Biển Hồ
----------	-----------------	-----------------------------

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không.

*** Ủy viên Hội đồng Quản trị:**

Họ và tên: Trịnh Quang Vinh

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/ 07/1994

Quốc tịch: Việt Nam

-Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
9/2019- nay	Giám đốc	Công ty TNHH và Thương Mai dịch vụ Đại Dương Việt
05/2020- nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chè Biển Hồ Công ty cổ phần cà phê Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 715.342 cổ phần,

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

Bổ đề:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần
Trịnh Quang Hưng	Đông Thành, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình				1.237.398

***Kế toán trưởng**

Bà: Nguyễn Thị Thanh Tùng:

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/12/1983

Nơi sinh: Thôn Tập An Bắc, xã phở Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

-Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
2006-1/2009	Kế toán	Công ty TNHH Vĩnh Hòa – Quảng Ngãi
2/2009-9/2010	Kế toán	Ủy ban nhân dân xã Phở Nhơn – Quảng Ngãi
10/2010-2/2014	Kế toán	Sở Tài chính Gia Lai
3/2014-8/2018	Kế toán	Công ty TNHH MTV cà phê Gia Lai
9/2018-15/8/2019	PP Kế toán	Công ty cổ phần cà phê Gia Lai

16/8/2019-Nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần chè Biên Hồ
---------------	----------------	-----------------------------

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Đối với Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị trong năm ổn định với 6 thành viên.

+Đối với Ban kiểm soát:

Năm 2021, miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm soát đối với bà Trình Thị Vân. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát đối với ông Trần Đông Hưng, họp Ban kiểm soát và bầu Trưởng ban kiểm soát đối với ông Trần Đông Hưng

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 62 người.

Trong đó: +Cán bộ quản lý, Nhân viên gián tiếp: 23 người

+Công nhân trực tiếp: 39 người

***Chính sách đối với lao động:**

-Về tiền lương, các chế độ : Công ty trả lương và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động tại công ty.

-Về công tác bảo hộ lao động: Hàng năm công ty cấp phát đồ bảo hộ đầy đủ cho công nhân theo đặc thù công việc từng bộ phận, đảm bảo công tác an toàn, phòng hộ cho người lao động.

-Tiến hành cải tiến máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, góp phần giảm thiểu sức lao động cho công nhân, tạo môi trường làm việc thông thoáng và sạch sẽ hơn.

-Về đời sống cán bộ công nhân viên: Công ty cổ phần mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh mới đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho công nhân và lực lượng lao động tại địa phương. Ngoài ra công ty còn quan tâm đến đời sống của cán bộ, người lao động, xây dựng bếp ăn cho người lao động xa nhà, tổ chức các hoạt động ngày 8/3, 20/11, tham gia đóng góp các quỹ xã hội từ thiện tại địa phương...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	151.858.442.084	163.390.753.002	+7,6

Doanh thu thuần	70.451.858.611	60.708.694.044	-13,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	889.873.569	458.102.801	-48,5
Lợi nhuận khác	-263.266.519	-167.742.552	+36,3
Lợi nhuận trước thuế	636.607.050	290.360.249	-54,4
Lợi nhuận sau thuế	630.936.215	166.882.426	-73,6
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	61	19	-68,9

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Lần	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,40
+Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	Lần	0,98	0,94
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+Hệ số nợ/tổng tài sản	%	38,75	43,35
+Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	65,86	79,28
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,21	1,67

+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần /tổng tài sản	Lần	0,46	0,37
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,89	0,27
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,70	0,18
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,41	0,10
+Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,48	0,75

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

-Số lượng cổ phần đang lưu hành: 8.935.643 cổ phần.

-Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.

-Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 8.928.143 cổ phần

-Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 7.500 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông trong nước	365	8.935.643	100
Cá nhân	363	4.690.643	52
Tổ chức	2	4.245.000	48
2. Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ	365	8.935.643	100
Cổ đông lớn	6	8.179.672	92%
Cổ đông nhỏ	368	755.971	8%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 8.935.643 cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ : không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động đến môi trường:

Trong quá trình chăm sóc cây trồng gây một số tác động đến môi trường thông qua việc sử dụng các sản phẩm nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Công ty đã hạn chế mức thấp nhất tác động đến môi trường bằng việc sử dụng các chế phẩm sinh học không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Quá trình sản xuất chế biến không sử dụng phụ gia và hóa chất vì vậy không tác động đến môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty đang áp dụng 3 hệ thống ISO 9001:2015 về quản lý chất lượng, ISO 14000 về môi trường, ISO 22000 về an toàn thực phẩm và hệ thống cà phê 4C. Vì vậy nguồn nguyên liệu đầu vào là chè, cà phê của công ty được quản lý từ khâu chăm sóc, thu hái đến chế biến theo đúng quy trình để đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và hạn chế ít nhất ảnh hưởng đến môi trường. Công ty đang ngày càng hướng đến sản phẩm sạch, thân thiện môi trường bằng cách sử dụng các sản phẩm sinh học để thay thế dần các loại thuốc trừ sâu bệnh hóa học gây ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm và môi trường. Đối với các bao bì phân bón, thuốc sâu bệnh công ty thu gom tập trung và ký hợp đồng với đơn vị đủ năng lực xử lý chất thải nguy hại vận chuyển và xử lý hàng năm.

6.3. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng chủ yếu dùng trong sản xuất và chế biến là củi đốt và điện

6.4. Tiêu thụ nước: Do quy trình sản xuất chè không dùng nước trong chế biến mà chỉ dùng nước để rửa máy móc thiết bị chế biến và sinh hoạt nên lượng nước dùng không đáng kể. Nước được lấy từ giếng khoan đã được cấp phép khai thác sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

-Số lượng lao động: 62 người

- Mức thu nhập bình quân: 8.300.000 đồng/người/tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
 - Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động của công ty.
 - Trang cấp trang bị bảo hộ lao động theo ngành nghề cho công nhân nhà máy chế biến.
 - Tổ chức tập huấn quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, quy định an toàn về điện cho người lao động.
 - Thực hiện công tác kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại đơn vị hàng quý.
 - Đảm bảo các chế độ phụ cấp độc hại, ăn ca, trực đêm cho người lao động...

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Người lao động trực tiếp được tập huấn kỹ thuật chế biến chè khi vào làm tại nhà máy.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty ủng hộ hỗ trợ mua quà tặng chiến sỹ đồn biên phòng và Hội phụ nữ nghèo ăn Tết., ủng hộ quà mùa xuân chiến sỹ, mái ấm công đoàn. .. Tặng quà tết bằng hiện vật cho các hộ người đồng bào dân tộc thiểu số nhận khoán vườn cây của công ty

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	89,356
2	Doanh thu	Tỷ đồng	60,708
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,290
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,166
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ	%	19

Dịch bệnh Covid-19 và chiến tranh kéo dài, dẫn đến tiến độ xuất hàng, tiêu thụ hàng hóa có thời điểm bị ngưng trệ, sản phẩm Chè xuất khẩu không xuất bán được. Giá cả vật tư, phân bón, xăng dầu tăng cao gấp 2 đến 3 lần so với năm 2020.

Một số diện tích vườn cây Chè có năng suất chất lượng thấp, già cỗi, quá lâu năm và kéo dài chưa được chuyển đổi cũng phần nào gây lãng phí về giá trị kinh tế trên diện tích đất.

Một số Hộ nhận khoán còn tình trạng để Chè quá lứa, nuôi cao hái sâu, công tác phòng trừ sâu bệnh chưa đồng bộ, tình trạng các Hộ phun thuốc ngoài danh mục vẫn còn làm ảnh hưởng môi trường, đất đai, sức khỏe Người lao động.

Trong công tác quản lý vẫn còn một số tồn tại, hạn chế; nhất là trong lĩnh vực bơm tưới, quản lý vườn cây.

Công tác quản lý kiểm tra việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015; ISO 14001 và ISO 22000 đã có nhiều tiến bộ nhưng chưa chặt chẽ.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	96.796.109.940	75.717.517.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.211.073.516	4.186.997.426
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	63.760.130.492	52.049.092.494
IV. Hàng tồn kho	31.571.288.081	18.934.836.933
V. Tài sản ngắn hạn khác	253.617.851	546.590.739
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	66.594.643.062	76.140.924.492

b) Tình hình nợ phải trả:

C. NỢ PHẢI TRẢ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. Nợ ngắn hạn	68.750.379.260	57.767.412.386
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.204.155.800	1.838.869.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		459.067.200
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	139.062.936	1.002.576.244
4. Phải trả người lao động	383.884.474	413.527.331
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	189.539.280	
6. Phải trả ngắn hạn khác	4.283.788.374	3.263.854.417
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	61.742.400.347	49.981.969.163
II. Nợ dài hạn	2.093.754.599	1.080.356.766
TỔNG CỘNG	163.390.753.002	151.858.442.084

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Thực hiện điều tiết, cơ cấu lại các bộ phận sản xuất tại nhà máy, các phòng ban nhằm sắp xếp hợp lý đội ngũ lao động, đảm bảo công việc được vận hành liên tục và hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Tiếp tục phát triển ngành nghề mũi nhọn, đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ để nâng cao tính cạnh tranh ..

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường :

Công ty đã áp dụng các hệ thống ISO về môi trường, thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 6 tháng một lần, ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện quan trắc môi trường, đo đạc các yếu tố môi trường lao động để kịp thời điều chỉnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động , thực hiện chi trả phụ cấp độc hại cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Hỗ trợ địa phương trong công tác thu gom, xử lý chất thải nguy hại, ủng hộ các quỹ tại địa phương, làm mới sửa chữa đường nông thôn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2021, Công ty chưa thực hiện được các kế hoạch đề ra theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên kết quả này xuất phát từ những nguyên nhân khách quan đã được phân tích trong phần 1, mục III báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc bên trên. Riêng đối với công tác môi trường và xã hội vẫn được Công ty lập kế hoạch để đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho các công tác này.

***Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Hội đồng Quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty. Tuy là một năm gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của thị trường giá cả, dịch bệnh , thiên tai nhưng Ban Giám đốc vẫn cố gắng đề ra các biện pháp hiệu quả để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quản lý vận hành tốt bộ máy, đảm bảo việc làm thu nhập cho người lao động, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn , củng cố lòng tin của cổ đông, đối tác khách hàng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tuy tình hình dịch bệnh COVID-19, chiến tranh đang diễn biến phức tạp, dự báo ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty. Nhưng Hội đồng quản trị cố gắng khắc phục những khó khăn, tập trung sản xuất.

Cải tiến kỹ thuật, máy móc thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất cây trồng và mẫu mã chất lượng sản phẩm.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, hỗ trợ Ban Giám đốc ra quyết định sản xuất hàng ngày.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ %
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.237.398	13,85
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT	1.381.932	15,47
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	0	0
4	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	0	0
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	0	0
6	Trịnh Quan Vinh	Thành viên HĐQT	715.342	8,0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT đã tiến hành các cuộc họp với các nội dung sau đây

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-BHG-HĐQT	24/02/2021	V/v triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
02	03/NQ-BHG-HĐQT	29/04/2021	V/v chi trả cổ tức năm 2020.
03	04/NQ-BHG- HĐQT	09/7/2021	Nghị quyết cơ cấu lại thời hạn trả nợ
04	05/NQ-BHG-HĐQT	11/8/2021	Nghị quyết v/v thông qua ký kết hồ sơ thế chấp ngân hàng NN

			& PTNT Việt Nam
05	06/NQ-BHG-HĐQT	11/10/2021	NQ về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
06	07/NQ-BHG-HĐQT	22/10/2021	NQ về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
07	08/NQ-BHG-HĐQT	02/11/2021	NQ về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông quyết định của đại hội đồng cổ đông.
08	09/NQ-BHG-HĐQT	16/12/2021	NQ về việc huỷ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/: không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Chuyên môn
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ thuật xây dựng
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế- QTKD
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	Cử nhân Luật
4	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	Cử nhân kế toán- tài chính
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Số cp sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Đông Hưng	TRưởng BKS	0	0
2	Nguyễn Thị Trà Giang	TV BKS	700	
1	Lê Thị Vinh	TV BKS	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát đối với bà Trình Thị Vân . Bầu bổ sung hthành viên Ban kiểm soát đối với ông Trần Đông Hưng . Ban kiểm soát đã bầu ông Trần Đông Hưng giữ chức Trưởng ban kiểm soát Công ty.

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của mình:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định hợp pháp của Pháp luật và tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

+ Tham dự các phiên họp của HĐQT Công ty.

+ Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

+ Giám sát các hoạt động công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

+ Xem xét, đánh giá sự phối hợp của các phòng ban Công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh, việc thực hiện quy chế nội bộ nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và dân chủ trong Công ty.

+ Thẩm tra Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2021.

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	76.024.916	136.024.916
2	Trịnh Đình Trường	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	619.440.000	36.000.000	84.904.989	740.344.989
3	Phạm Văn Cường	TV HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Nguyễn Trung Kiên	TV HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
5	Trịnh Văn Công	TV HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	TV HĐQT	-	36.000.000	43.950.140	79.950.140
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát	-	24.000.000	-	24.000.000
8	Lê Thị Vinh	TV Ban kiểm soát	-	24.000.000	-	24.000.000
9	Nguyễn Thị Trà Giang	TV Ban kiểm soát	92.160.000	24.000.000	-	116.160.000
10	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	154.296.000	-	-	154.296.000
	Tổng cộng		865.896.000	312.000.000	204.880.045	1.382.776.045

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/ người có liên quan của NNB	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
01	Trịnh Đình Trường	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty	983.380	11,01	1.381.932	15,47	Tăng tỷ lệ sở hữu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

-Vay ngắn hạn :

+Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng : 1.600.000.000 đồng

+Ông Trịnh Đình Trường : 3.085.000.000 đồng.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị: Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chè Biên Hồ tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.4 "Phải thu về ngắn hạn", trong năm Công ty có cho Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai vay số tiền 16.576.900.000. Các khoản cho vay này dưới hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

Ý kiến kiểm toán không liên quan đến vấn đề này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đã được công bố trên website của công ty tại địa chỉ: <http://bienhotea.com.vn/quanhecodong/baocaotaichinh>

Nơi nhận:

-UBCKNN; SGDCCKHN;

-HQQT, Các cổ đông công ty;

-Website, Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trịnh Đình Trường